

VUA LÊ THÁNH TÔNG VỚI VIỆC BIÊN SOẠN QUỐC SỬ CỦA TRIỀU LÊ

NGUYỄN HỮU TÂM*

I. Vài nét về việc biên soạn quốc sử trước triều Lê

Việt Nam là quốc gia có một truyền thống văn hiến lâu đời, Nguyễn Trãi từng khẳng định trong *Đại cáo bình Ngô*: "Như nước Đại Việt ta vốn xưng nền văn hiến đã lâu" hoặc như nhà bác học Lê Quý Đôn đã viết: "Vay cái tên Giao Chỉ đã có từ lâu, Kinh thì gọi là Minh đô (1), thực đáng là cái vực sâu, cái chằm rậm chứa tích văn minh của người ta vậy" (2). Phan Huy Chú trong bộ bách khoa *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng khẳng định: "Nước Việt ta tiếng khen lễ nghĩa đã hơn nghìn năm, vốn có thư tịch đã từ lâu lắm" (3). Ông tự hào với tầng lớp trí thức và khối lượng thư tịch của dân tộc: "Huống chi Nho sĩ đời nào cũng có, văn chương nảy nở như rừng; sách vở ngày càng nhiều, nếu không trải qua bình lửa mà thành tro tàn, thì hẳn là trâu kéo phải mệt, nhà chất phải đầy" (4).

Nhưng đáng tiếc, những thư tịch để mình chứng cho thành tựu của nền văn hiến dân tộc trong thời cổ, trung đại, trải qua bao phen binh lửa, còn lại đến nay không còn được bao nhiêu. Lê Quý Đôn trong tác phẩm *Văn đài loại ngữ*, phần *Khu vũ* cũng đã phải trầm trồ khi nhắc đến việc biên soạn lịch sử vào những thời cổ đại

như An Dương vương, Triệu Vũ đế: "Lúc bấy giờ việc chép sử bỏ thiếu nên danh hiệu các châu quận không tra khảo vào đâu được" (5). Theo nhà sử học họ Lê, vào buổi bình minh dựng nước của dân tộc chúng ta, việc biên soạn lịch sử của thời cổ đại chưa được chú ý, cho nên rất khó khăn tìm hiểu được tình hình xã hội đương thời.

Sau nhiều năm nghiên cứu của giới khoa học lịch sử, đặc biệt dựa vào thành tựu của Khảo cổ học hơn một thế kỷ qua, trên đất nước Việt Nam đã phát hiện hàng loạt hiện vật độc đáo tiêu biểu của nền văn hóa Đông Sơn như trống đồng, thạp đồng, dụng cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt,... mình chứng một điều: Thời đại Đông Sơn mà chủ nhân là những cư dân Việt từng tồn tại trong tiến trình lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam. Không ai có thể phủ nhận sự thật: Một nền Văn minh Đông Sơn phát triển rực rỡ trên vùng đất cư trú của dân tộc bản địa, đó là sản phẩm được hình thành bởi chính bàn tay khối óc của cư dân Việt.

Từ thế kỷ I đến thế kỷ X, trong suốt thời kỳ bị lệ thuộc vào phong kiến phương Bắc, việc biên soạn lịch sử của nước ta cũng chưa thấy xuất hiện dấu hiệu gì đặc biệt. Các nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu lịch sử giai đoạn này thường phải dựa vào những

* TS. Viện Sử học

truyền thuyết dân gian của Việt Nam, cùng các ghi chép lẻ tẻ, nhiều khi mang tính phiến diện, cực đoan từ các bộ sử nhà nước hoặc tư nhân Trung Quốc.

Theo những tư liệu hiện có, việc biên soạn quốc sử bắt đầu được quan tâm từ thời Lý (1009-1225), song chỉ thấy xuất hiện tác phẩm *Sử ký* do tác giả Đỗ Thiện viết vào khoảng năm 1127 sau Công nguyên. Nội dung của bộ sách này giới hạn từ Triệu Vũ vương năm 207 trước Công nguyên đến hết triều Lý Nhân tông năm 1127, tổng cộng thời gian mà sách đề cập kéo dài khoảng 1334 năm. Đáng tiếc cuốn sử đầu tiên đến nay đã thất truyền. Theo suy đoán chủ quan, có lẽ thời kỳ này vẫn chưa có hình thành cơ quan viết sử của nhà nước, cho nên việc biên soạn lịch sử dân tộc cũng chưa được thực hiện. Chính vì thế, vào thế kỷ XV, nhà sử học Ngô Sĩ Liên đã đưa ra nhận định về tình hình biên chép sử trước khi có bộ *Đại Việt sử ký* ra đời năm 1272 của Lê Văn Hưu như sau: "Nhưng vì thiếu sử sách biên chép mà sự thực đều nghe truyền miệng, lời ghi có phần quái đản, sự việc có khi quên khi sót, cho đến viết chữ không đúng, ghi rườm rà, chỉ làm loạn mắt, còn dùng làm gương sao được" (6).

Việc biên soạn lịch sử dân tộc được triều đình trung ương chú trọng bắt đầu từ thời Trần (1225-1400). Nhà Trần đã đặt ra Quốc sử viện, và đây là cơ quan nhà nước chuyên trách sưu tầm và biên soạn quốc sử đầu tiên của Việt Nam.

Việc thiết lập Quốc sử viện với chức vụ cao nhất lúc bấy giờ là Giám tu Quốc sử viện, được tham khảo và học tập mô hình đời Đường - Tống. Theo lịch sử Trung Quốc vào đời Đường đã bắt đầu hình thành quy chế các quan trọng thần trong triều như Tể tướng, Đại thần được đảm trách chức Giám tu Quốc sử. Nhưng đến đời Tống (960 - 1238) mới xuất hiện tên gọi Quốc sử viện là

cơ quan cao nhất của nhà nước có nhiệm vụ phụ trách biên soạn Quốc sử (7).

Lê Văn Hưu, đỗ Bảng nhãn khoa thi năm Đinh Mùi đời Trần Thái tông (1247) là vị Giám tu Quốc sử đầu tiên của Đại Việt. Sử gia Lê Văn Hưu thăng trải nhiều chức vụ trong triều Trần, từ Hàn lâm viện Học sĩ rồi Thượng thư Bộ Binh tước Nhân Uyên hầu. Theo thư tịch cổ cho biết: Khi Lê Văn Hưu làm Hàn lâm viện Học sĩ, ông được triều Trần ban kiêm chức Quốc sử viện Giám tu (8). Trong giai đoạn giữ chức Giám tu, Lê Văn Hưu được giao nhiệm vụ quan trọng biên soạn bộ lịch sử quốc gia từ Triệu Vũ đế đến hết triều Lý. Không rõ thời gian biên soạn bộ Quốc sử của Lê Văn Hưu là bao lâu, chỉ biết rằng vào tháng Giêng, mùa xuân năm Nhâm Thân (1272), ông đã trình bộ *Đại Việt sử ký* gồm 30 quyển lên vua Trần Thánh Tông. Sau khi duyệt xem, vua Thánh Tông đã hạ chiếu ban khen (9).

Có thể khẳng định, *Đại Việt sử ký* là sản phẩm của cơ quan biên soạn Quốc sử viện triều Trần, là bộ Quốc sử đầu tiên được biên soạn dưới sự chỉ đạo của nhà nước. Đáng tiếc bộ sử sau đó đã thất truyền, chúng ta chỉ có thể tìm được một số nội dung còn sót lại của bộ Quốc sử qua 30 đoạn trích dẫn hiện vẫn được chép trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* và đó là những dòng sử đáng tin cậy. Giới sử học hiện đại đánh giá cao những dòng ghi chép của sử gia Lê văn Hưu: "Có thể coi những đoạn trích dẫn đó là những mảnh vỡ nhưng thuần khiết của *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu còn giữ được trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và là cơ sở đáng tin cậy nhất" (10).

Sự ra đời của bộ *Đại Việt sử ký*, đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc biên soạn lịch sử quốc gia của Việt Nam, đồng thời tạo cơ sở cho quá trình phát triển sử học trong những giai đoạn lịch sử kế tiếp. Lê Văn Hưu xứng đáng là nhà sử học đầu tiên mở đường cho việc biên soạn quốc sử của dân tộc.

Sau Lê Văn Hưu, vào tháng 9 năm Đinh Sửu niên hiệu Khai Hựu thứ 8, đời vua Trần Hiến Tông (1337), Nguyễn Trung Ngạn đang là An phủ sứ Nghệ An cũng được triều Trần ban kiêm chức Quốc sử viện Giám tu (11).

II. Những đóng góp của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực sử học

Vương triều Lê được thành lập năm 1428, ngoài việc tập trung củng cố và xây dựng thể chế chính trị, tăng cường quốc phòng, đẩy mạnh phát triển kinh tế, còn chú ý ngay tới việc kế thừa truyền thống biên soạn quốc sử có từ triều Trần. Nhà Lê cũng đã lập ra cơ quan chuyên trách về quốc sử là Quốc sử viện. Trong đó, người đứng đầu Quốc sử viện là Tri Quốc sử viện (12). Sử gia Phan Phu Tiên là người đầu tiên đảm nhiệm chức vụ này. Sau đó, tháng 12 niên hiệu Thái Hòa thứ 6, đời vua Lê Nhân tông (1448), đã đặt thêm chức Quốc sử viện Đồng tu sử. Những người giữ chức có Bùi Phúc, Nguyễn Văn Chất, Phan Hoan, Nguyễn Thúc Thông (13). Thực ra, chức Quốc sử quán Đồng tu sử đã được đặt ra từ trước và đến năm 1448 thì bốn viên quan vừa kể trên mới được triều Lê chính thức trao cho giữ chức này. Vì vào 4 tháng trước, tức là tháng 8 năm 1448, sử có chép sự kiện viên quan "Quốc sử Đồng tu là Nguyễn Văn Tộ xin từ chức" (14).

So với Quốc sử viện triều Trần thì hoạt động biên soạn của Quốc sử viện triều Lê có hiệu quả và đạt được những thành tựu lớn hơn. Bộ *Đại Việt sử ký* do Phan Phu Tiên phụ trách chính là bộ Quốc sử đầu tiên được thực hiện dưới triều Lê. Năm Ất Hợi (1455), ông vua đương trị vì là Lê Nhân Tông sai Phan Phu Tiên soạn bộ *Đại Việt sử ký*, giai đoạn từ Trần Thái Tông đến khi quân Minh rút về nước (tức từ 1226 đến 1427), gồm 10 quyển (15). Như vậy, cho đến đời vua Lê Nhân Tông (1443- 1459), bộ Quốc sử đã được chép từ Triệu vương Kiến Đức (năm 111 trước Công

nguyên) đến trước khi thành lập triều Lê (1428), thời gian kéo dài hơn 1500 năm.

Với 38 năm trị vì (1460-1497), Lê Thánh Tông đã xây dựng quốc gia Đại Việt một thể chế chính trị phong kiến phát triển toàn diện. Ông quan tâm đến mọi mặt của một quốc gia, tiến hành cải cách hành chính từ trung ương đến địa phương. Trong đó, vấn đề sử học được Lê Thánh Tông chú trọng kế thừa và phát triển. Biên soạn quốc sử triều Lê Thánh Tông đánh dấu một mốc son trong sự nghiệp sử học dân tộc.

Quốc sử viện - cơ quan chuyên trách sử học tiếp tục được vua Lê Thánh Tông duy trì và phát triển. Từ thế kỷ XI trở đi, Thăng Long đã luôn luôn hiện diện với vai trò là trung tâm chính trị và văn hóa của cả nước. Đến triều Lê, Thăng Long (lúc này với tên gọi là Đông Đô) vẫn được các vua Lê coi trọng, là nơi tập trung mọi cơ quan đầu não của triều đình. Dường nhiên Quốc sử viện - cơ quan biên soạn sử quốc gia luôn được đặt bên cạnh nhà vua và các cơ quan trọng yếu của vương triều tại Kinh đô Thăng Long.

Tuy Lê Thánh Tông là một vị quân vương, ông không trực tiếp là người thực hiện việc làm quốc sử, nhưng vị vua tài giỏi uyên bác trên lĩnh vực văn hóa, thường xuyên quan tâm và tạo điều kiện cho công tác chép sử phát triển. Tư tưởng chỉ đạo về việc biên soạn quốc sử của Lê Thánh Tông đã được các sử gia đương thời, trong đó xuất sắc nhất là Ngô Sĩ Liên đã quán triệt và thể hiện sâu sắc vào nội dung của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Chúng ta có thể khái quát đóng góp của Lê Thánh Tông vào lĩnh vực biên soạn quốc sử như sau:

1. *Có ý thức coi trọng, đôn đốc, sưu tầm thu thập tư liệu một cách toàn diện*, kể cả những tư liệu dân gian, dã sử... sau đó, được giám định phê phán nghiêm túc và chọn lựa cẩn thận. Theo ghi chép của thư tịch, có ít nhất 2 lần vua Lê Thánh Tông đã

ban lệnh cho quần thần sưu tập sử liệu trong dân gian. Điều này đã được các sử gia nổi tiếng của nước ta là Ngô Sĩ Liên và Lê Quý Đôn phản ánh trong các công trình sử học của mình. Trong Bài tựa của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Ngô Sĩ Liên viết: "Khoảng năm Quang Thuận (1460-1469) xuống chiếu tìm kiếm dã sử và các truyện ký xưa nay, do các tư nhân cất giữ, đều ra lệnh dâng cả lên để sẵn tham khảo" (16). Sử gia Lê Quý Đôn sống vào nửa sau thế kỷ XVIII, trong bộ *Đại Việt thông sử* hay còn gọi là *Lê triều thông sử*, đã có những lời đánh giá cao về công tác chuẩn bị sử liệu cho biên soạn quốc sử của Thánh Tông: "Vua Thánh Tông ham thích sách vở, hồi đầu năm Quang Thuận (1460-1469) hạ chiếu tìm tòi các dã sử, thu thập truyện ký cổ kim còn chứa ở các nhà riêng đem dâng lên tất cả. Khoảng năm Hồng Đức (1470-1497), nhà vua lại hạ chiếu cầu những sách còn sót lại đem chữa cất bí các" (17). Sử gia họ Lê còn cho biết: Trong dịp này nhiều người đã đem cả sách quý, hiếm lạ, ngay cả sách bí truyền và tất cả mọi người dâng sách đều được triều đình khuyến khích ban khen thưởng xứng mức. Vì thế, thông qua những đợt sưu tầm dưới triều vua Lê Thánh Tông, rất nhiều sách quý của đời trước cũng dần dần được phát hiện và thu thập lại để phục vụ cho công tác viết Quốc sử (18).

2. *Nêu cao tư tưởng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc sâu sắc, bắt đầu chính thức tạo dựng việc dân tộc Việt có nguồn gốc tổ tiên từ Kinh Dương Vương - Hùng Vương, khơi mở một truyền thống "con Lạc, cháu Hồng"*. Các nhà nghiên cứu đều đã ghi nhận đóng góp xuất sắc của Ngô Sĩ Liên trong việc biên soạn mỗi phần *Ngoại kỷ* chép từ Hồng Bàng thị đến hết đời An Dương Vương trong bộ sách *Đại Việt sử ký toàn thư*. Ông đã chính thức đưa lịch sử thời đại mở nước còn mang tính chất nửa huyền thoại nửa lịch sử của dân tộc Việt Nam bao gồm các đời Kinh Dương

Vương, Lạc Long Quân, Hùng Vương, An Dương Vương, lần đầu tiên vào quốc sử (19). Cũng chính từ Ngô Sĩ Liên với phần *Ngoại kỷ* của mình đã khởi đầu cho quan niệm "Con cháu Lạc Hồng", "Con Rồng, cháu Tiên", "Con cháu vua Hùng" (20) hình thành trong nhân dân và được tiếp nối mãi cho đến ngày nay và cho tới mai sau.

Sau những biến cố xảy ra trong cung đình, Lê Thánh Tông lên nắm giữ ngôi vua năm 1460. Ngô Sĩ Liên với vai trò Đô Ngự sử đã có những ý kiến can gián không được Lê Thánh Tông vừa ý, cho nên, năm 1461, ông bị huân chức Đô Ngự sử và được giao chức vụ Lễ bộ hữu Thị lang kiêm Quốc tử giám Tư nghiệp. Có thể nhận thấy, từ sau khi Ngô Sĩ Liên chuyển sang hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục, ông đã phát huy được sở trường cùng năng lực của mình. Tròn 10 năm sau, vào năm 1471, Ngô Sĩ Liên được trao cho chức Sử quan tu soạn. Cho đến năm 1479, Lê Thánh Tông lại *"sai Sử quan Tu soạn Ngô Sĩ Liên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư 15 quyển"* (21).

Trên một cương vị mới - biên soạn quốc sử, Ngô Sĩ Liên đã mang hết sức lực và tâm huyết để góp phần cùng các nhà sử học tạo ra một bộ lịch sử dân tộc để đời. Trong bộ quốc sử lớn này, ông đã để lại nhiều dấu ấn quan trọng, đồng thời cũng thể hiện được tư tưởng cùng nhân cách của một sử gia Việt Nam thời phong kiến.

Nếu chúng ta đã đánh giá cao đóng góp của Sử gia Ngô Sĩ Liên thì cũng không thể phủ nhận vai trò của vị vua sáng suốt Lê Thánh Tông. Vì chính ông vua này đã phát hiện ra tài năng trên lĩnh vực sử học của Ngô Sĩ Liên và tạo cơ hội cùng điều kiện cho ngòi bút của Ngô Sĩ Liên được có dịp phát triển. Chắc chắn khi các sử thần trình bày phạm lệ, nội dung bản thảo bộ sách, đã được vị quân vương Lê Thánh Tông đọc duyệt, cho phép thì chúng ta ngày nay mới

có được những trang viết của bộ Quốc sử tràn đầy niềm tự hào dân tộc.

3. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ quốc gia, không nhân nhượng kẻ thù xâm phạm biên cương Tổ quốc

Chúng ta cần nhắc đến câu nói nổi tiếng của vua Lê Thánh Tông như một Tuyên ngôn về chủ quyền lãnh thổ quốc gia trong bài Dụ ban cho Thái bảo Lê Cảnh Huy, được chép trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*: "Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào nên vứt bỏ?... Nếu người dám đem một thước một tấc đất của Thái tổ làm mối cho giặc, thì tội phải tru di" (22). Chính sách biên cương, đặc biệt là đối với phương Bắc của triều Lê trong giai đoạn cuối thế kỷ XV đã làm nổi bật tài lãnh đạo khôn khéo, ứng xử đầy mưu lược của vị vua Thánh Tông. Trong các bộ sách hiện còn như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Quốc triều hình luật* của Việt Nam và *Minh sử kỷ sự bản末*, *Minh Hiến tông thực lục* hay *Minh sử* của phía Trung Quốc đều có rất nhiều ghi chép minh chứng: triều Lê Thánh Tông đã chủ động giành từng tấc đất biên cương, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia (23). Lê Thánh Tông đã dựa vào thực lực của mình, xây dựng được một quốc gia Đại Việt mà kẻ thù là triều Minh cũng phải công nhận là "quốc phú binh cường" (24).

4. Công lao to lớn hơn cả trên lĩnh vực sử học của vua Lê Thánh Tông là trên cơ sở kế thừa thành tựu của các triều đại trước đã đẩy mạnh việc xây dựng Quốc sử viện - cơ quan biên soạn quốc sử. Cơ cấu của Quốc sử viện được mở rộng và đặt thêm các chức vụ có tính chất chuyên môn hóa cao như Tu sử, Tu soạn. Trong đó chức Sử quan Tu soạn được trao cho viên quan trực tiếp biên soạn lịch sử, mang tính chuyên môn hóa cao. Người đầu tiên được trao chức này dưới thời Lê Thánh Tông là nhà sử học nổi tiếng Ngô Sĩ Liên.

Thành tựu lớn nhất được ghi nhận của Quốc sử viện dưới thời vua Lê Thánh Tông là việc bắt đầu đặt cơ sở cho việc biên soạn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Năm 1471, Lê Thánh Tông giao cho Sử quan Tu soạn Ngô Sĩ Liên biên soạn bộ Quốc sử, sau 8 năm cùng với các đồng sự miệt mài, vào tháng 1 năm 1479, sử gia họ Ngô đã trình lên vua một bộ sử có tên là *Đại Việt sử ký toàn thư*, 15 quyển. Thông qua biên soạn quốc sử, Lê Thánh Tông đã tập hợp được một đội ngũ sử gia tài giỏi, tâm huyết với lịch sử dân tộc. Lê Quý Đôn đã ca ngợi việc tuyển chọn sử gia dưới triều Lê Thánh Tông như sau: "Bấy giờ (chỉ triều Lê Thánh Tông) kén chọn sử quan rất cẩn trọng, như sử quan Lê Nghĩa chép thẳng, giữ ngay, có khí tiết cổ nhân" (25). Sự kiện sử thần Lê Nghĩa mà Lê Quý Đôn nhắc đến được chép đầy đủ trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nội dung cuộc đối thoại giữa Sử quan Lê Nghĩa và Lê Thánh Tông xoay quanh việc nhà vua muốn xem Quốc sử, nhưng Sử quan không đồng ý. Lê Nghĩa đã thẳng thắn nói với vị vua đang trị vì: "Vua mà xem Quốc sử, hẳn không phải là việc hay" (26), hoặc "Chỉ cần Bộ hạ cố gắng làm điều hay thôi, việc gì phải xem Quốc sử" (27). Thông qua sự kiện này, sử sách của Việt Nam từ xưa đến nay vẫn rất tự hào về tính trung thực, không sợ cầm quyền, dù là một vị quân vương đứng đầu quốc gia của người chép sử.

Bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* bắt đầu được biên soạn từ triều Lê Thánh Tông được kết thúc vào năm 1697 là sản phẩm chung đúc của nền sử học chính thống từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVII với sự đóng góp của nhiều nhà sử học nổi tiếng trong giai đoạn lịch sử bấy giờ. Bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* là một bộ quốc sử lớn "là thành tựu của nền văn hóa Đại Việt" (28), "là một công trình lập đại thành nhiều bộ sử do nhiều nhà sử học của các đời biên soạn, từ Lê Văn Hưu đời Trần, qua Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên, Vũ

Quỳnh đời Lê sơ, đến Phạm Công Trứ, Lê Hy... đời Lê Trung hưng, cùng những người cộng sự của họ" (29).

Lê Thánh Tông trong 38 năm làm vua đã đưa quốc gia Đại Việt phát triển mạnh mẽ toàn diện trên cả lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa - sử học. Nhân dịp kỷ niệm 570 năm ngày sinh của Lê Thánh Tông (1442-2012), chúng ta cùng nhau ôn lại cống hiến xuất sắc trên lĩnh vực biên soạn Quốc sử, coi trọng văn hiến dân tộc của vị vua tài năng xuất chúng. Để thay lời kết luận, chúng tôi xin đưa ra nhận định về

Lê Thánh Tông của sử gia Trần Trọng Kim trong sách *Việt Nam sử lược* - bộ sử Việt Nam đầu tiên được viết bằng chữ Quốc ngữ cách đây gần 100 năm như sau: "Xem những công việc của vua Lê Thánh Tông thì Ngài thật là một đấng minh quân. Những sự văn trị và võ công ở nước Nam ta không có đời nào thịnh hơn đời Hồng Đức. Nhờ có vua Lê Thái Tổ thì giang sơn nước Nam mới còn, và nhờ có vua Thánh Tông thì văn hóa nước ta mới thịnh, vậy nên người An Nam ta không bao giờ quên công đức hai ông vua ấy" (30).

CHÚ THÍCH

(1). Minh đô minh: Theo sách *Chu Lễ*, là tên một cái chằm nhiều cỏ rậm rạp. Cùng tên Minh đô có nhiều chữ viết khác nhau, nhưng âm giống nhau, đều chỉ là một nơi Minh đô cả: Vọng Chu, Mạnh trư, Mạnh Chu, Minh Chu. Sách chú thích: chằm này ở phía nam sông Hoàng Hà lâu ngày nước lụt nhiều, tràn ngập, bị lấp kín, nay không rõ ở địa điểm nào. 辭海 (合訂本), 商務印書館, 1988. Từ *Hải* (Hợp đính bản), Trung Quốc, Thương vụ ấn thư quán, 1988, tr. 362, 400.

(2), (5). Lê Quý Đôn: *Văn đài loại ngữ*, T.I, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1962, tr. 137, 170.

(3), (4). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, T.II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 379.

(6). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 99.

(7). 呂宗力主: 中國歷代官制辭典, 北京出版社, 北京, 1999. (Lã Tông Lực chủ biên: Trung Quốc lịch đại quan chế đại từ điển, Bắc Kinh xuất bản xã, Bắc Kinh, 1994, tr. 507) (Trung văn).

(8). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 38.

(9), (11), (13), (14), (15), (21), (22), (26), (27). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.II, sdd, tr. 38, 125, 367, 365, 379, 473, 462, 424, 424.

(10), (16), (19). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.I, sdd, tr.120, 100, 23.

(12). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, T.I, Nxb. Giáo dục,

Hà Nội, 1998, tr.13.

(17), (18), (25). Lê Quý Đôn: *Đại Việt thông sử*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 124-125, 125, 23.

(20). Phan Đại Doãn - Trần Kim Đình: *Đại Việt sử ký toàn thư với sự ngưng kết văn hóa truyền thống Việt Nam*, in trong *Ngô Sĩ Liên với Đại Việt sử ký toàn thư*, GS. Phan Đại Doãn chủ biên, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 289.

(23). Nguyễn Hữu Tâm: *Triều vua Lê Thánh Tông với chính sách bảo vệ biên cương phía bắc*, in trong *Lê Thánh Tông (1442-1497) con người và sự nghiệp*, Nxb. DHQHN, Hà Nội, 1997, tr. 270-280.

(24). Nguyễn văn 明史 (Minh sử) chép: 顯雄桀自負國富兵強輒坐大. Phiên âm: "Hạo hùng kiệt, tự phụ quốc phú binh cường triết tọa đại", nghĩa là: Hạo (chỉ vua Lê Thánh Tông) hùng dũng kiệt xuất, tự phụ nước giàu quân mạnh, thường ngang nhiên làm phách". 張廷玉著: 明史, 卷三百二十一, 列傳第二〇九, 外國二 安南, (Nhóm Trương Đình Ngọc: Minh sử, q.321, Liệt truyện 209, Ngoại quốc nhị: An Nam).

(28). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.I, sdd, Nguyễn Khánh Toàn: *Lời giới thiệu*, tr.8.

(29). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.I, sdd, Phan Huy Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư - Tác giả - Văn bản - Tác phẩm*, tr. 11.

(30). Trần Trọng Kim: *Việt Nam sử lược*, tái bản, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 267.